

TOÁN HỌC KINH TẾ VÀ PHÚC LỢI XÃ HỘI

TRYGVE HAAVELMO

Toán học kinh tế và Phúc lợi xã hội

Trygve Haavelmo

Bài diễn thuyết tưởng nhớ Alfred Nobel, 7 tháng 12 năm 1989

1. Lời giới thiệu.

Một vài người trong số những khán giả đặc biệt đang ngồi tại đây, và có lẽ nhiều bạn đồng nghiệp của tôi, những người không có mặt, có thể nói rằng cái tiêu đề mà tôi chọn cho bài diễn thuyết này thật đúng là một câu lạ lùng và giả tạo. Đề tài trừu tượng của môn toán kinh tế có gì quan hệ với những vấn đề rất thực tế trong sự hoạt động của hệ thống phúc lợi xã hội? Trong phạm vi bài trình bày này, tôi sẽ cố gắng hết khả năng để chỉ ra tại sao tôi nghĩ rằng thật không quá cường điệu khi nhìn ra được mối liên quan giữa hai lĩnh vực này.

Không may, để làm điều này tôi cần phải đưa các bạn theo một đường vòng tới sự phát triển của toán học kinh tế. Tôi làm điều này không phải để viết về lịch sử của toán học kinh tế mà với hy vọng những kết luận mà tôi rút ra cuối bài sẽ có một trọng lượng nào đó.

Con đường vòng này có thể có một pho phảm đáng được quan tâm. Tôi vẫn thường được hỏi, thậm chí bởi cả những học giả có trình độ rất cao, liệu toán học kinh tế có phải là một nhánh ngoại biên trừu tượng và khô khan hơn ngành khoa học kinh tế nói chung hay không? Tôi cho là tôi có một câu trả lời tương đối thuyết phục cho câu hỏi này. Ít nhất đã có năm trong số những học giả từng được nhận giải thưởng mà tôi được nhận đây coi đó là phần chính trong các nghiên cứu của họ cho thấy rằng nếu không có toán học kinh tế làm trung tâm cho các nghiên cứu kinh tế học, môn khoa học kinh tế có thể vẫn chưa vượt quá giới hạn những

bài nói chuyện chung chung chẳng có kết quả thực sự hữu ích nào. Tôi sẽ trở lại điều này trong bài diễn thuyết của tôi.

Có lẽ tôi nên đưa ra nhận xét giới thiệu cuối cùng trước khi tiếp tục bài thuyết trình của mình. Trong phần sau đây, tôi sẽ sử dụng từ "Tôi" thay vì "chúng ta". Thực sự, tôi nên dùng từ "chúng ta" vì chắc chắn tôi chẳng có đòi hỏi riêng gì về những kết quả mà tôi đề cập đến trong bài này. Khi tôi nói "Tôi", đó là để bảo vệ những nhà toán học kinh tế đồng nghiệp của tôi khỏi phải chịu trách nhiệm về những cách mà những kết quả được tôi nêu ra hoặc về những nhận định chủ quan tôi sắp đưa ra.

2. Tất cả đã bắt đầu như thế nào.

Đại khái là, tất cả đã bắt đầu vào cuối những năm 1920 và đầu những năm 1930. Trên quan điểm của một nhà lịch sử thì sự trình bày này thật đúng là chẳng rõ ràng chút nào. Nhưng như tôi đã nói, tôi chẳng cố sức để viết về lịch sử của ngành toán học kinh tế.

Tình trạng của kinh tế học nói chung đại khái như sau. Có rất nhiều những tư tưởng rất sâu sắc, nhưng thiếu các thành quả về lượng. Thậm chí trong những trường hợp đơn giản có thể nói là tầm quan trọng nào đó của kinh tế đã bị ảnh hưởng bởi một nguyên nhân duy nhất, vấn đề sự ảnh hưởng đó lớn tới mức nào hiện vẫn còn tồn tại. Thông thường, biết được sự ảnh hưởng đó là tích cực hay tiêu cực cũng chẳng thực tế và đáng quan tâm lắm nếu người ta không biết tí gì về sức mạnh đó cả. Nhưng tình trạng càng trở nên tồi tệ hơn khi nghiên cứu một tính chất quan trọng của kinh tế lại được xác định bởi nhiều yếu tố khác nhau cùng một lúc, một vài yếu tố diễn ra theo hướng này nhưng những yếu tố khác lại diễn ra theo những hướng ngược lại. Người ta có thể viết được những cuốn sách dài về các xu hướng giải thích các nguyên nhân này hoạt động như thế này, nguyên nhân kia hoạt động như thế nọ và tương tự như thế. Nhưng câu trả lời cho vấn đề tổng

mạng lưới kết của các yếu tố là gì? Câu hỏi này không thể trả lời được khi thiếu đi các phương tiện để đo lường sức mạnh mà bằng nó nhiều các yếu tố mới có thể hoạt động theo đúng hướng của nó. Những cha đẻ của Toán học kinh tế hiện đại, được dẫn dắt theo tư tưởng của các bộ óc vĩ đại Ragnar Frisch và Jan Tinbergen, nhìn thấy rằng khoa học kinh tế có thể có khả năng thoát ra khỏi tình trạng này. Những chương trình của họ phải sử dụng các tư liệu thống kê có sẵn để gạn lọc ra những thông tin về việc một cơ cấu kinh tế hoạt động như thế nào. Chỉ có bằng cách này, người ta mới có thể vượt ra khỏi tình trạng của những vấn đề là đề tài muôn thuở của các cuộc tranh luận về vấn đề khuynh hướng thậm chí của những bộ óc vĩ đại nhất trong ngành kinh tế học.

Công việc xác định số lượng các mối tương quan kinh tế được đảm nhiệm với sự nhiệt tình cao độ và một khối lượng lớn những thành quả số lượng đã tăng lên rất nhanh chóng. Chẳng có gì phải nghi ngờ, tương lai của kinh tế học phụ thuộc vào cái cách quan trọng nhất dựa trên những xác suất của các phương tiện đo lường giống như tôi vừa ngắn gọn nêu ra. Tôi có thể nhắc tới một người cũng trúng giải thưởng khác là Paul Samuelson, người đã làm cho vấn đề này cực kỳ sáng tỏ mặc dù đã tiếp cận vấn đề từ một khía cạnh khác. Ông đã cho ta thấy rằng chúng ta cần có nhiều thông tin không chỉ để tiên đoán tình trạng có thể xảy ra của vấn đề một cộng đồng kinh tế, mà còn có thể nói ra điều gì đó về việc liệu tình trạng vấn đề có thể xảy ra như thế có tồn tại qua thời gian hay không.

Tôi hy vọng bản tóm tắt này, mặc dù vẫn còn chưa đầy đủ, nhưng vẫn có thể đáp ứng được những cái cơ bản cho chương về Toán học kinh tế mà tôi định đưa ra tiếp theo.

3. Những khó khăn.

Có nhiều học giả, trước hết là Ragnar Frisch, người bắt đầu nhìn thấy những khó khăn không ngờ tới khi cố gắng rút ra những thông tin về những mối tương quan

trong kinh tế qua các số liệu đã được quan sát. Vấn đề kinh khủng nhất có liên quan tới địch thủ cũ của các nhà thống kê; những hiện tượng tương quan giả giống như thế. Biểu hiện này liên quan tới những nguy hiểm khi rút ra các kết luận vội vã về nguyên nhân và hậu quả nhờ những mối liên hệ quan sát thấy giữa hai hoặc nhiều hơn các biến thể kinh tế. Ragnar Frisch đã từng ghi khắc những cảnh cáo của mình về vấn đề này cho các sinh viên của ông bằng cách đưa ra những mô tả đáng sợ sau. Người ta có thể nhìn thấy rằng có một quan hệ tăng lên rất lớn giữa số lượng những con ruồi ở bờ biển phía Tây của Na-uy và số lượng khách du lịch đến thăm vùng đó. Từ những quan sát này, có lẽ là rất không tốt nếu cứ cố gắng tăng lượng khách du lịch bằng cách sản sinh ra nhiều ruồi hơn nữa. Nhưng hiện tượng về những tương quan giả mạo có một dạng phức tạp hơn nữa thường khó phát hiện ra. Nếu chúng ta cứ nghĩ rằng cái chúng ta nghĩ là một học thuyết đúng và được xây dựng tốt từ một vài mối tương quan trong một nhóm các biến thể kinh tế và những thực tế được quan sát thấy dường như không có gì trái với lý thuyết đó cả, chúng ta có thể vẫn bị lầm lẫn vì mối tương quan hoàn toàn giống như vậy có thể thường được sinh ra do nhiều những dạng cấu trúc kinh tế khác nhau.

Dựa vào cơ sở trên, đứng trên phương diện nào đó Ragnar Frisch có ý phản đối công việc bao quát số liệu của Jan Tinbergens. Về phần mình, tôi nghĩ Tinbergen đã nhìn thấy hầu hết những khó khăn nguy hiểm và trong những việc làm thực tế của mình ông ta đã tránh xa chúng trong khi có lẽ ông đã chẳng viết nhiều về đề tài này một cách tổng quát như Ragnar Frisch.

Riêng tôi, tôi đã có đủ may mắn khi nhận được học bổng đến thăm Hoa Kỳ vào năm 1939 (Vì những lý do vượt ngoài tầm kiểm soát, chuyến đi thăm đã kéo dài đến 7 năm, nhưng đó lại là một câu chuyện khác). Sau đó tôi đã có vinh dự được học tập, nghiên cứu với nhà thống kê nổi tiếng thế giới Jerzy Neyman ở California khoảng vài tháng. Ở thời điểm đó, còn trẻ và ngây thơ, tôi đã từng nghĩ rằng mình biết điều gì đó về toán học kinh tế. Tôi đã bày tỏ một vài ý kiến của mình về đề tài

này cho giáo sư Neyman. Thay vì thảo luận cùng tôi, ông đã đưa cho tôi hai hoặc ba bài tập số để tìm đáp án. Ông bảo sẽ nói chuyện với tôi khi tôi đã giải xong bài tập. Khi tôi gặp ông với ý định nói chuyện lần thứ hai, tôi đã mất hết mọi ảo tưởng rằng mình hiểu biết về toán học kinh tế. Nhưng giáo sư Neyman cũng đã tạo cho tôi niềm hy vọng rằng có thể có những cách khác cho kết quả dễ tiếp cận với vấn đề phương pháp toán học kinh tế hơn là những cách đã gây quá nhiều khó khăn và thất vọng.

Suốt những năm 1940, tôi đã may mắn được mời tới Học viện Cowles tại Đại học Chicago để làm việc và là một cốt cán xuất sắc cho các nhà toán học kinh tế, những nhà thống kê học và toán học. Chúng tôi đã làm việc rất chăm chỉ mong tìm ra những phương pháp thực thi toán học kinh tế mạnh mẽ hơn và dễ chấp nhận hơn, và để tìm ra những nguyên tắc nào đó chung hơn. Đặc biệt, chúng tôi gặp phải hai nhóm vấn đề chính.

Nhóm thứ nhất, có vẻ như hơi nghịch lý, vượt ra ngoài cả những kết quả vốn đã phức tạp của những học thuyết kinh tế thành công. Thật lạ lùng, thực tế là nếu một học thuyết kinh tế, một mối quan hệ kinh tế, là một học thuyết tốt, đúng với thực tế thì không thể định lượng nó bằng cách dùng số liệu từ cơ cấu kinh tế mà trong đó mối quan hệ ấy chỉ là một phần nhỏ. Đây được gọi là vấn đề nhận dạng (problem of identification). Tjalling Koopmans đã cống hiến đời mình cho cái đề tài rất khó khăn này và đã tổ chức nghiên cứu sâu rộng hòng cố gắng làm rõ những vấn đề liên quan.

Nhóm vấn đề thứ hai là làm cách nào để tìm ra những phương pháp vừa ý đo được chính xác các mối quan hệ kinh tế rất có ý nghĩa khi đem ra đối chiếu với thực tế (sau khi vấn đề về nhận dạng đã được giải quyết). Những cán bộ của Ủy ban Cowles đã thực hiện công việc trên diện rộng để giải quyết những vấn đề này, được sự giúp đỡ của một số những bộ óc xuất sắc nhất về thống kê toán học trên thế giới.

Vài người đã nói rằng tất cả những cố gắng trên chủ yếu hướng vào việc tìm ra những nguyên tắc chung cho nghiên cứu toán học kinh tế đã dẫn tới làm ngưng trệ công việc tìm ra con số kết quả chính xác để sử dụng trong thực tế. Dĩ nhiên có ít nhất hai trường hợp ngoại lệ quan trọng chứng tỏ rằng điều này đúng: những cố gắng đo đạc trên diện rộng được thực hiện bởi Richard Stone và Lawrence Klein, và những công tác kinh tế cơ bản nhằm cải tiến phương trình tiêu thụ Keynesian.

4. Kết quả.

Kết quả chính xác của những cố gắng cải thiện phương pháp luận này là gì? Năm 1957 tôi đã có vinh dự được mời thực hiện một bài diễn văn nói chuyện trước Hiệp hội Toán học kinh tế (The Economic Society). Đề tài chính là thử đánh giá tình trạng của toán học kinh tế vào thời điểm bấy giờ.

Ở một mức nào đó, những kết luận của tôi có đôi chỗ tiêu cực. Tiếc thay tôi đã chú ý tới kết quả khi dùng những phương pháp vừa ý mới, mới như chúng ta đã nghĩ, để đo đạc các mối tương quan trong đời sống kinh tế đã gây ra những lo ngại nào đó trong giới những người đang cố gắng thử các phương pháp mới trong hoạt động thực tế. Người ta đã phát hiện ra rằng, những học thuyết kinh tế mà ta đã kế thừa và tin tưởng, trong thực tế lại không chặt chẽ bằng cái mà ta nghĩ là những phương pháp đo đạc sơ đẳng hơn. Theo ý kiến của tôi, kết luận này về bản thân nó hoàn toàn không phải là tiêu cực. Nếu những phương pháp đã được cải tiến có thể tin là đã nói đúng sự thật, thì tốt hơn hết là ta nên biết đến chúng. Cũng rất hữu ích nếu ta biết điều này để áp dụng vào các chính sách kinh tế thực tiễn, vì có thể nó là những biện pháp phòng ngừa để giảm tránh sự không rõ ràng. Tôi cũng đã đề cập đến một điều khác có lẽ là nguyên nhân cho ra những kết quả không được tốt như mong đợi, ấy là học thuyết kinh tế về bản chất của nó. Cơ sở của toán học kinh tế, những học thuyết kinh tế mà chúng ta và cha ông chúng ta đã tin tưởng vào chắc là không đủ tin cậy. Rõ ràng những học thuyết mà chúng ta dựng nên để tái tạo lại cuộc sống kinh tế thực là không đủ tính thực tế, tức là nếu số liệu chúng ta có đem

áp dụng vào thực tế lại không được trình bày theo cái cách mà các học thuyết kinh tế đưa ra, khi đó thật là vô nghĩa khi đem đối chiếu những quan sát thực tế với những mối quan hệ mô tả một điều gì đó khác.

Nếu hôm nay tôi được đề nghị đánh giá những gì tôi đã trình bày, có lẽ tôi lại sẽ sử dụng những từ giống như vậy, nhưng tôi cũng sẽ đưa ra một nội dung mạnh mẽ, quyết liệt hơn. Tôi đã có rất nhiều thời gian để suy nghĩ về chuyện này kể từ lần tôi đưa ra vấn đề mà tôi vừa mới nhắc tới. Được phép của mọi người, xin mạn phép được trình bày một vài suy đoán tôi đã tự hình thành trong thời gian qua. Tôi muốn nhấn mạnh rằng nếu những suy đoán này có một giá trị nào đó thì đó là do tôi đã tìm ra chúng qua quá trình tôi làm việc với toán học kinh tế.

5. Toán học kinh tế - một công cụ hữu ích cho chính sách kinh tế?

Tôi xin bắt đầu với một nhận xét chung ngắn gọn mà vẫn chưa được tôi chau chuốt lắm. Nó liên quan tới một cuộc thảo luận mà thỉnh thoảng chúng tôi có nghe được, về vấn đề: cái gì quan trọng hơn, cái gọi là khoa học cơ bản hay là khoa học ứng dụng? Tôi không nghĩ là việc thảo luận này sẽ đem lại kết quả, nhưng có lẽ tôi nên mạn phép nhắc rằng bởi do ngày nay nghiên cứu là một vấn đề rất tốn kém, là thứ mà hàng triệu người phải trả giá cho nó, chẳng phải vô lý nếu ta cứ cho con người tia hy vọng về sự phát triển nào đó.

Tôi cũng phải thêm rằng khi tôi nói "phúc lợi xã hội" trong bài thuyết trình của mình, tôi không nghĩ khái niệm này chỉ giới hạn trong ý thức hạn hẹp phương Tây. Với từ "phúc lợi xã hội", ý tôi muốn chỉ tới bất cứ xã hội nào tồn tại với mục đích cuối cùng là đem sự giàu có về kinh tế cho tất cả người dân, ngay từ đầu cho tới khi kết thúc.

Đôi khi chúng ta thấy rằng hy vọng về những bộ luật và phát hiện kinh tế chính xác so với những gì chúng ta có, chẳng hạn như trong thiên văn học, thật là ảo tưởng. Về bản chất, miễn là chúng ta làm hết sức để tìm ra cái cần được phát hiện

thì thực sự là chẳng đáng phải quá lo âu như vậy. Nhưng lại có một sự khác nhau giữa thế giới của cuộc sống xã hội, đặc biệt là thế giới kinh tế, và thế giới thiên văn học hay là những quy tắc vật lý khác. Sự khác nhau đó là: với điều kiện là chúng ta không muốn trở nên quá thần nhiên, sự thực quan trọng trong mỗi liên hệ này là một xã hội hoặc cụ thể hơn, những cơ cấu kinh tế của một xã hội trong thực tế được vận hành bởi những quy tắc mà bản thân chúng là sản phẩm của con người. Hiện nay, hy vọng của hầu hết mọi người là một xã hội không được tồn tại mãi theo cái cách mà nó hoạt động như bây giờ. Chúng ta có thể làm điều gì đó để chúng tốt đẹp hơn về mặt này hay mặt khác. Và những xã hội đã thay đổi thì cứ tiếp tục bị thay đổi bởi rất nhiều những biện pháp của chính sách kinh tế. Thực tế này cho một kết quả quan trọng cho vấn đề chúng ta nên thực sự muốn nói gì qua một học thuyết kinh tế thực tế. Ngắn gọn là một học thuyết mang tính thực tế trong giới kinh tế là một học thuyết mô tả hay tái tạo lại bất cứ xã hội kinh tế nào được thực thi dưới chính sách kinh tế nào đó. Vì vậy, một mô tả thụ động về những gì chúng ta nhìn thấy xung quanh một thời điểm là không thể đủ được. Nhiệm vụ của toán học kinh tế theo quan điểm bảo vệ con người là cố gắng rút ra những thông tin có ích từ những số liệu đã thu được cho bất cứ một xã hội kinh tế nào muốn hướng tới. Tôi xin được đi nhanh đến phần làm sáng tỏ một thứ trong mỗi liên hệ này. Vấn đề làm ổn định một xã hội tốt đẹp không thể được thực hiện bởi bất kỳ mẹo toán nào. Ít ra miễn là có những ý kiến khác nhau giữa những người hay nhóm người quan tâm đến vấn đề thế nào là một xã hội tốt đẹp nhất? nếu chúng ta không biết điều đó trước, Kenneth Arrow đã chỉ ra điều này theo cái cách mà không ai có thể bác bỏ được. Nhưng khi người ta liên hệ với nghiên cứu khoa học, ta lại thường làm việc dựa trên những chân lý là các thông tin và những điều được làm sáng tỏ đều hướng tới lợi ích của con người. Đây là nơi mà vai trò của toán học kinh tế đi sâu vào, cùng rất nhiều những loại nghiên cứu khác. Người ta tin vào sự hữu ích của nó rằng thậm chí nếu chúng ta không thể làm nguôi dãn những cuộc bàn cãi giữa những mối quan tâm mâu thuẫn nhau, ít nhất chúng ta có

thể cố gắng xoá bỏ các nguyên nhân của sự mâu thuẫn do thiếu thông tin và hiểu biết.

Tôi tin rằng toán học kinh tế là rất hữu ích. Nhưng như tôi đã nói, xác suất chắc lọc được thông tin từ các quan sát thế giới mà chúng ta đang sống phụ thuộc vào học thuyết kinh tế đúng đắn. Toán học kinh tế đã được tìm ra nhờ những lý thuyết có sự mô tả hợp lý chính xác những sự việc đương thời mà thế giới được quan sát đã vận hành trong quá khứ. Tôi cũng đã đề cập, có lẽ theo cái cách không được khiêm tốn cho lắm, rằng tôi nghĩ là những học thuyết kinh tế đang tồn tại không đủ tin cậy cho mục đích này. Tôi không nói rằng nó là vô dụng. Thực ra tôi tin rằng nó sẽ tiêu biểu cho những nhóm xây dựng nên một học thuyết chung hơn nếu tôi từng hy vọng tìm ra được một cái. Dĩ nhiên tôi chẳng hy vọng có thể góp phần giải thích bất cứ điều gì theo hướng mà một học thuyết như vậy nên làm. Về vấn đề này, tôi nghĩ tới điều mà Darwin nói trong cuốn Nguồn gốc các loài. Ông đã nói một cách khiêm tốn "sau năm năm làm việc, tôi đã tự cho phép mình được suy xét về vấn đề này". Dù chẳng có được năng lực trí tuệ ở trình độ như vậy nhưng tôi có thể nói rằng tôi đã tự cho phép mình nghiên cứu vấn đề này trong vòng 30 năm. Nhờ sự kiên nhẫn của quý vị, tôi sẽ trình bày một vài suy nghĩ về những điều có thể gọi là đáng giá.

Tôi nghĩ không phải là không công bằng khi miêu tả phần lớn các học thuyết kinh tế hiện thời theo cách sau. Chúng ta bắt đầu nghiên cứu tác động của cá nhân dưới những điều kiện khác nhau. Một số những điều kiện này hình thành là do thực tế các cá nhân phải liên lạc các công việc kinh tế của họ với những cá nhân khác. Sau đó, chúng tôi cố gắng xây dựng một mẫu xã hội kinh tế tổng bằng cái gọi là quá trình tập trung. Hiện giờ tôi nghĩ rằng điều này thực ra đã bắt đầu sai. Hãy xem: thế giới ngày này có hơn 5 tỷ người. Nếu họ thử sống mà không liên hệ với xã hội, tôi cho rằng chỉ trong vài tuần thôi là họ sẽ chết. Dĩ nhiên có một vấn đề đạo đức đặt ra liệu các cá nhân có vì xã hội không và ngược lại. Tôi nghĩ câu hỏi này thật

là vô nghĩa trong cái thế giới mà ta đang sống hôm nay. Đặt nó theo kiểu my dân nào đó tôi sẽ nói rằng không có xã hội thì thực tế không có cá nhân, và không có cá nhân thì dĩ nhiên là không có bất cứ xã hội con người nào. Quan sát này chẳng có gì phải bàn theo hướng của quan điểm chuyên chế đối lập với quan điểm cá nhân.

Một cách ngắn gọn và đi qua được những điểm bao quát chính, tôi cho rằng học thuyết kinh tế có thể phát triển theo đường hướng nằm gọn trong cấu trúc sau.

Bắt đầu với xã hội đang tồn tại nào đó, chúng ta nhận thức nó như là một cấu trúc những quy tắc và điều lệ mà các thành viên trong xã hội phải thực hiện. Phản ứng của họ đối với những quy tắc này cũng như khi các cá nhân tuân theo chúng, cho kết quả kinh tế phản ánh đặc trưng của xã hội. Khi kết quả đã thành hiện thực chúng sẽ kích thích hoạt động chính trị của xã hội hướng về việc thay đổi luật lệ của trò chơi. Nói cách khác, kết quả mà những cá nhân trong xã hội phản ứng theo một cách nhất định lại những luật cũ của trò chơi có tác động ngược lại lên bản thân những quy định. Theo quan điểm của thuyết học kinh tế và của toán học kinh tế, thật là vô nghĩa khi xem xét đến luật lệ của trò chơi hình thành do những tác động ngược như tôi vừa mới đề cập đến, như những biến thể độc lập. Quan điểm như thế ngụ ý rằng có một sức mạnh siêu độc tài nào đó điều khiển chính sách kinh tế và sử dụng những phản ứng của người dân trong xã hội đó để làm những thông tin cho việc cải tạo và thay đổi xã hội.

Tôi cảm thấy những ý tưởng này, nếu chúng xứng đáng với bất cứ cái gì phải được nằm trong những bộ óc có khả năng vượt ra ngoài những gì mà tôi hy vọng có thể đo đếm được. Vì thế điều mà tôi đã làm là trình bày cho quý vị điều tôi nghĩ tôi đã học được từ người khác. Tôi hy vọng rằng tất cả những ai đã dạy tôi từ những thứ nhỏ nhất mà tôi biết sẽ tha thứ cho tôi vì đã không ghi thêm phần tham khảo lớn trong bài diễn thuyết ngắn ngủi này.

Trích từ Những bài diễn thuyết trao giải Nobel, 1981-1990, Công ty phát hành sách khoa học thế giới, Singapore.